

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG
Số: 45/2023/QĐPT-VDS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 22 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

Về việc Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Bà Doanh Thị Mây

Thư ký phiên họp: Bà Ma Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên họp: Bà Cao Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 12/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 34/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 83/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 121/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị Thúy H – Chấp hành viên trung cấp, phụ trách giải quyết hồ sơ thi hành án. Đơn vị công tác: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: Khu hành chính mới, tổ G, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Chu Thanh V, sinh năm 1972. HKTT: Tổ 01, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án tại Đội phạm nhân số 2 – Phân trại I – Trại giam T3 - thành phố Hà Nội. *Vắng mặt có lý do.*

2. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ I, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thùy D1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị D: Luật sư Nguyễn Quang A – Công ty L1. Địa chỉ: Số E, L, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. *Có mặt*

- *Người kháng cáo: Bà Ngô Thùy D1 - Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị D.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 17/8/2022 và tại phiên họp giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H - Chấp hành viên trung cấp phụ trách giải quyết hồ sơ thi hành án dân sự thành phố C trình bày: Theo Bản án hình sự phúc thẩm số: 562/2014/HSPT ngày 29/11/2014 của Tòa án nhân dân Tối Cao tại Hà Nội và Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2014/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình; Quyết định ủy thác thi hành án số 01/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, Quyết định thi hành án số 161/QĐ-CCTHADS ngày 17/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng thì: Ông Chu Thanh V, sinh năm 1972, HKTT: Tổ A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án tại Đội phạm nhân số 02 - Phân trại số I - Trại giam T3 - Thành phố Hà Nội còn phải thi hành án khoản truy thu tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước số tiền: 652.000.000đ (sáu trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn).

Qua công tác phối hợp, ngày 25/7/2022, Trại giam T3 đã chuyển số tiền: 4.200.000đ mà Chu Thanh V đã nộp tiền truy thu theo bản án tại trại giam. Nay Chu Thanh V còn phải tiếp tục thi hành khoản truy thu tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước số tiền: 647.800.000đ (sáu trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của Chu Thanh V. Kết quả xác minh cho thấy, Chu Thanh V không có tài sản nào khác ngoài ngôi nhà xây 03 tầng kiên cố, dựng trên thửa đất số 124a, tờ Bản đồ số 15, diện tích 99,0m. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 897647 do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 15/11/2009, địa chỉ thửa đất tại: Tổ A (nay là tổ I), phường S, thành phố C.

Xác minh tại Văn phòng Đ chi nhánh thành phố C được biết: Ngày 10/5/2011, Văn phòng Đ chi nhánh thành phố C xác nhận nội dung đăng ký biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: "Chuyển nhượng cho ông Chu Thanh V sinh năm 1972, CMTND số 080407137 cấp ngày 15/9/2009 tại Công an tỉnh C và bà Hoàng Thị D sinh năm 1975, CMTND số 080362882 cấp ngày 30/3/2010 tại Công an tỉnh C, địa chỉ: Tổ A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo hồ sơ số 289/2011". Ngày 20/6/2022,

Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng đã ban hành thông báo số 453/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Tuy nhiên, hết thời hạn do Chấp hành viên ấn định tại thông báo nêu trên các bên đương sự không thỏa thuận phân chia tài sản, không khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản. Căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014, khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu là bà Nguyễn Thị Thúy H - Chấp hành viên trung cấp Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xác định phần quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án đối với tài sản sau: Quyền sử dụng đất diện tích 99,0m, thuộc thửa đất 124a, tờ bản đồ số 15 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 897647 do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 15/11/2009 và tài sản trên đất: 01 nhà xây 03 tầng kiên cố được xây dựng trên diện tích đất 99,0m tại thửa đất số 124a, tờ bản đồ số 15 tại tổ A (nay là tổ I), phường S, thành phố C. Tại bản tự khai ngày 16/11/2022, Chu Thanh V - người có nghĩa vụ phải thi hành án hiện đang chấp hành án tại Đội 2 phân trại số 01 trại giam T3, M, T, Hà Nội trình bày: Ông và bà Hoàng Thị D có mối quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có 02 con chung. Sau khi kết hôn vợ chồng không có tạo dựng được tài sản gì, nhà cũng phải đi thuê. Đối với ngôi nhà xây 03 tầng, diện tích 99,0m² được xây dựng trên thửa đất số 124a, tờ bản đồ số 15, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AO 897647 mang tên Nông Thị T hiện vợ bà D đang sinh sống là đất vợ tôi mua sau khi tôi bị bắt thì vợ tôi xây nhà (đất vợ mua, mọi thủ tục chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng, tiền mua tài sản là do vợ tôi làm nên, tôi không biết gì). Sau khi mua bán và xin làm thủ tục chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó tôi đã đi chấp hành án nên tôi không biết gì.

Hiện nay Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng có đơn yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất của tôi trong khối tài sản chung vợ chồng cụ thể đối với quyền sử dụng đất số AO 897647 mang tên Nông Thị T để thi hành án đối với khoản tiền truy thu số tiền thu lợi bất chính tôi có ý kiến như sau: Khi mua mảnh đất này, chúng tôi đang ly thân, số tiền mua mảnh đất này là do vợ tôi mua tôi hoàn toàn không biết gì. Mảnh đất này do vợ tôi mua nên tôi không có phần quyền sở hữu tài sản nên tôi không có quyền nhất trí hay không nhất trí về tài sản trên. Khi vợ tôi mua mảnh đất trên, chúng tôi đã ly thân và có giấy phân chia tài sản có sự chứng kiến xác nhận của tổ dân phố. Tôi không có ý kiến gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị D Ngô Thùy D1 trình bày: Xác định quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số AO 897647 được UBND thị xã C ngày 10/5/2011 không phải là tài sản để thi hành án truy thu số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có của anh Chu Thanh V theo Bản án số 14/2014/HSST ngày 06/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình do không thuộc trường hợp bị áp dụng tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm theo Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999. Không thi hành án dân sự đối với tài sản là thửa đất tại tổ

A (nay là tổ I), phường S, thành phố C. Tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm 1. Việc tịch thu sung quỹ Nhà nước được áp dụng vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi trác những thứ ấy mà có. Đây là tài sản riêng của bà D, không liên quan đến hành vi phạm tội của ông Chu Thanh V.

Căn cứ theo văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và những vấn đề liên quan khác lập ngày 15/4/2006. Bản chất đây là văn bản đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được công nhận là văn bản phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nội dung thỏa thuận trong văn bản thể hiện: Thứ nhất: Phân chia các tài sản tin chung của vợ chồng trong đó liệt kê đến tài sản được phân chia là số tiền tích góp được từ việc kinh doanh vật liệu xây dựng (tài sản số A). Do đó, tài sản là tiền tích góp được từ việc kinh doanh vật liệu xây dựng là tài sản riêng của bà D. Thứ hai: Văn bản còn chứa nội dung thể hiện ý chí của vợ chồng phân chia tài sản phát sinh, hình thành từ tài sản chung hiện có và các tài sản hình thành trong tương lai. Cụ thể: "Kể từ thời điểm ký văn bản này, thu nhập mà chị Hoàng Thị D hay anh Chu Thanh V có được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh lao động của mỗi người sẽ là tài sản riêng của người đó". Trong quá trình ly thân, nếu phát sinh các vấn đề khác mà cần phải cả hai người đứng tên trên giấy tờ hoặc cả hai người đứng tên sẽ hợp lý, không phát sinh dị nghị, nghi ngờ thì cả hai người sẽ cùng đứng tên mà không được gây khó khăn hay cản chính trở gì. Tuy nhiên, tài sản hoặc vấn đề của ai thì vẫn là của người đấy". Như vậy, bà D ông V đã có thể hiện ý chí thỏa thuận phân chia đối với những tài sản chung hình thành trong tương lai, sau thời điểm ngày 15/4/2006. Nội dung thỏa thuận này phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 122 Bộ luật dân sự về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự: b) Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội". Điều 29 về thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Điều 32 về tài sản riêng của vợ, chồng theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Thứ hai: Tại biên bản xác minh thông tin của Luật sư tại Trại giam Công an tỉnh H ngày 09/5/2014, tiền hành lấy thông tin từ ông Chu Thanh V. Trong biên bản ông V xác nhận về tài liệu là văn bản thỏa thuận lập ngày 15/4/2006, ông V "Tôi công nhận thông tin và văn bản của hai vợ chồng chúng tôi do vợ tôi là Hoàng Thị D cung cấp cho anh là đúng sự thật. Ông V xác nhận nội dung bà D và ông có cùng ký vào hợp đồng mua bán đất và cùng đứng tên trong GCNQSDĐ đó nội dung như sau: "Thực ra việc đó tôi chỉ được nghe D nói là có mua mảnh đất, nhưng công chứng họ yêu cầu vì hai vợ chồng tôi chưa ly hôn nên phải có cả tên hai vợ chồng vào văn bản mua bán. Hơn nữa, ngày trước hai vợ chồng cũng đã thỏa thuận tôi vẫn phải có trách nhiệm cùng đứng tên với D trong các giao dịch tài sản mà cần đăng ký tên cả hai vợ chồng nhưng tôi sẽ không liên quan đến vấn đề tiền bạc, mà D sẽ là người có trách nhiệm toàn bộ, tôi chỉ đứng tên cùng D cho đúng hình thức. Chính vì thế mà có tên tôi trong văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do một mình D đi làm mọi thủ tục, tôi không tham gia gì. Đến nay tôi còn không biết địa chỉ mảnh đất đó ở đâu". Như vậy, về nguồn gốc hình thành tài

sản: Được hình thành từ tiền tích lũy, kinh doanh của bà D. Đây là tài sản số 13 được liệt kê trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung. Do đó, đây cũng là một trong những tài sản được ông V, bà D thỏa thuận thống nhất với nhau là tài sản riêng của bà D theo văn bản thỏa thuận ngày 15/4/2006 (tài sản hình thành trong tương lai). Ông Chu Thanh V hoàn toàn không đóng góp mua, xây dựng tài sản trên. Căn cứ Bản án sơ thẩm vụ án hình sự số 14/2014/HSST ngày 06/6/2014 của TAND tỉnh Hòa Bình, Hội đồng xét xử đã tuyên: "Đối với số tiền 1.500.000.000đ trong sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Hoàng Thị D số tài khoản 8314601067444 do Ngân hàng N chính hành thị xã C phát hành thu tại nhà Chu Thanh V. HĐXX xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị D chứng minh số tiền trong tài khoản là tài sản riêng của chị D có được trong quá trình kinh doanh không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX trả lại cho chị Hoàng Thị D và tuyên bố hủy bỏ các biện pháp phong tỏa tài khoản". Như vậy, số tiền mà bà Dung tích l từ việc kinh doanh cũng đã được HĐXX cấp sơ thẩm quyết định đây là tài sản riêng của bà D, không liên quan đến hành vi phạm tội của ông Chu Thanh V. Do đó, những tài sản hình thành từ nguồn tiền có được trong quá trình bà D kinh doanh (trong đó có mảnh đất tại tổ A (nay là tổ I), phường S, T thuộc trường hợp bị áp dụng tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm nên không nhất trí với yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự thành phố C. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xác định công sức đóng góp của chồng tôi Chu Thanh V đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại tổ I phường S là 0% và công sức đóng góp của tôi là 100%. Về tài sản là nhà ở 03 tầng tại thửa đất số 124a, tờ bản đồ số 15 tại tổ I phường S, thành phố C là tài sản riêng của tôi.

Ngoài ra, tài sản hiện nay đang cầm cố, thế chấp để vay tiền cá nhân bà Triệu Thị K, địa chỉ: Tổ F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền vay là 5 tỷ đồng.

* Kết quả xác minh, thẩm định tại chỗ:

Thửa đất số 124a, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại tổ A (nay là tổ I), phường S, thành phố C. diện tích 99,0m. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 897647 do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 15/11/2009 cho bà Nông Thị T.

Ngày 10/5/2011, Văn phòng Đ chi nhánh thành phố C xác nhận nội dung đăng ký biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: "Chuyển nhượng cho ông Chu Thanh V sinh năm 1972, CMTND số 080407137 cấp ngày 15/9/2009 tại Công an tỉnh C và bà Hoàng Thị D sinh năm 1975, CMTND số 080362882 cấp ngày 30/3/2010 tại Công an tỉnh C, địa chỉ: Tổ A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo hồ sơ số 289/2011".

Về các hướng tiếp giáp của thửa đất:

- + Phía Bắc giáp đất, nhà ông Nông Văn S;
- + Phía Nam giáp đất, nhà ông Lý Ngọc T1;
- + Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L;

+ Phía Đông giáp đường mùng 03/10.

Về diện tích, kích thước theo trích lục đo vẽ đính kèm.

Về tài sản trên đất: 01 nhà xây 03 tầng, móng bê tông, cốt thép, khung bê tông cốt thép chịu lực, tường tầng 02 và 03 xây gạch chỉ 110, tường tầng 01 xây gạch chỉ 220, có trát sơ tường, điện ngầm, các tầng đều có công trình vệ sinh khép kín, tầng 02 trần gỗ, tầng 01 trần thạch cao, sân mái đổ bê tông cốt thép, mái lợp tôn chống nóng và tấm sáng, sàn lát gạch cremic, lan can tay vịn, cầu thang gỗ, mặt bậc đá G, cửa gỗ và cửa sơn tĩnh điện. Cổng cốt xây gạch chỉ, ốp đá G, cánh cổng sắt hộp, xà gỗ sắt hộp, mái lợp ngói.

Tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 34/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 74, khoản 3 Điều 75 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, Điều 33, khoản 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 116, 117, 119, 106, 107 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 46 của Luật đất đai năm 2003, Điều 95 của Luật đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 4 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chịu tiền xem xét thẩm định tài sản.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị Thúy H - Chấp hành viên trung cấp Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tài sản của ông Chu Thanh V được xác định là 1/2 quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

+ 01 thửa đất số 124a, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại tổ A (nay là tổ I), phường S, thành phố C. diện tích 99,0m. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 897647 do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 15/11/2009 cho bà Nông Thị T. Nay đã được Văn phòng Đ chi nhánh thành phố C điều chỉnh biến động vào trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chu Thanh V và bà Hoàng Thị D ngày 15/11/2009.

Thửa đất có tứ cận tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp đất, nhà ông Nông Văn S;

+ Phía Nam giáp đất, nhà ông Lý Ngọc T1;

+ Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L;

+ Phía Đông giáp đường mùng 03/10.

(Các hộ giáp ranh không có ý kiến tranh chấp ranh giới thửa đất 124a). Về diện tích, kích thước theo trích lục đo vẽ đính kèm.

+ 01 ngôi nhà xây kiên cố 03 tầng trên thửa đất 124a, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại tổ A (nay là tổ I), phường S, thành phố C. diện tích 99,0m. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 897647 do UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp ngày 15/11/2009 cho bà Nông Thị T. Nay đã được Văn phòng là đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C điều chỉnh biến động vào trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chu Thanh V và bà Hoàng Thị D ngày 15/11/2009.

2. Về Lệ phí sơ thẩm: Chấp hành viên bà H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tài sản, ông Chu Thanh V phải chịu nộp 2.700.000đ tiền chi phí thẩm định tài sản + 3.000.000đ tiền chi phí đo đạc 5.700.000đ. (Xác nhận Chi cục thi hành án đã tạm nộp 10.000.000đ để chi khoản tiền chi phí thẩm định, đo đạc tài sản, Chi cục thi hành án đã tạm chi tiền thẩm định đo đạc là 5.700.000đ và được hoàn lại số tiền 4.300.000đ đã tạm nộp). Nay ông V phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 5.700.000đ cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bà H - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản. Nếu ông V chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra Quyết định trên còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Không nhất trí với Quyết định trên, ngày 09/6/2023 bà Ngô Thùy D1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị D có đơn kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét lại toàn bộ nội dung của Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 34/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên họp phúc thẩm, bà Ngô Thùy D1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo, không nhất trí với Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 34/2023/QĐST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự, hủy Quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, ngoài ra không nộp thêm tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên họp phát biểu quan điểm: Qua kiểm sát việc thụ lý giải quyết của tòa án, nghiên cứu hồ sơ và đánh giá chứng cứ, đối với từng nội dung cụ thể trong đơn kháng cáo, Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 BLTTDS 2015, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 34/2023/QĐST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 27; khoản 2 Điều 35 và điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là việc dân sự về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án thuộc thẩm quyền, thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng là đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 02/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng mở phiên họp giải quyết việc dân sự, ngày 09/6/2023 bà Ngô Thùy D1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị D có đơn kháng cáo không nhất trí với Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 34/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, người kháng cáo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng hạn, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý giải quyết việc dân sự trên theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bà Ngô Thùy D1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị D:

Tại đơn kháng cáo và tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13/7/2023, bà Ngô Thùy D1 cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 124a, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại tổ A (nay là tổ I), phường S, thành phố C và tài sản trên đất là ngôi nhà 03 tầng thuộc $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu của ông Chu Thanh V là không có căn cứ.

Hội đồng phiên họp xét thấy:

Về nguồn gốc thửa đất số 124a, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại tổ A (nay là tổ I), phường S, thành phố C. Ông Chu Thanh V và bà Hoàng Thị D đều xác nhận thửa đất trên là do ông V, bà D nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Văn T2 và bà Nông Thị T (Địa chỉ: Tổ C N, phường S, thị xã C, tỉnh Cao Bằng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/4/2011 tại Phòng C tỉnh Cao Bằng. Xét thấy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại điểm c, điểm d Điều 6 Cam đoan của các bên:

“... c. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này”.

Việc ông V bà D đều cho rằng việc hai người cùng đứng tên mua thửa đất chỉ để phù hợp với mặt hình thức do Văn phòng công chứng yêu cầu là không có căn cứ, bởi lẽ, khi thực hiện giao kết hợp đồng đều thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại các Điều 106, 107, 116, 117, 119 BLDS 2015.

Tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.”

Vợ chồng ông V, bà D kết hôn ngày 09/4/2000, ký kết Hợp đồng ngày 19/4/2011, theo quy định trên tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 124a, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại tổ A (nay là tổ I), phường S, thành phố C là tài sản chung của vợ chồng. Bà D cho rằng ông V không có công sức đóng góp gì trong việc tạo dựng nên tài sản là thửa đất 124a và ngôi nhà 03 tầng trên đất, nhưng vẫn để cho ông V cùng đứng tên trong Hợp đồng chuyển nhượng. Mặt khác, sau khi ký kết hợp đồng, 2 ông bà không có ý kiến gì, mặc nhiên thừa nhận đây là tài sản chung của hai vợ chồng.

Đối với Văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và những vấn đề liên quan khác ngày 15/4/2006, đây là văn bản thỏa thuận riêng giữa ông V, bà D, không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương, hai ông bà đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, có sự hiểu biết pháp luật, thời điểm lập văn bản hai ông bà là vợ chồng hợp pháp được pháp luật công nhận nên văn bản trên không có giá trị pháp lý.

Đối với đề nghị của các bà Hoàng Thị D, Ngô Thùy D1, luật sư Nguyễn Quang A về việc yêu cầu Tòa án cung cấp Biên bản phiên tòa và Biên bản nghị án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2014/HSST ngày 06/6/2014, cho rằng Bản án trên khi xét xử đã giải quyết phần chứng minh tài sản của bà Hoàng Thị D, cho rằng nội dung này liên quan đến việc xác định, phân chia tài sản chung của ông V, bà D. Thấy rằng, tại bản án hình sự sơ thẩm trên ghi nhận số tiết kiệm mang tên Hoàng Thị D với số tiền 1.500.000.000đ là tài sản riêng của bà D và tuyên trả cho bà D là bởi số tiền trên không liên quan đến số tiền mà ông V đã thu

lợi bất chính. Mặt khác, trên cơ sở pháp luật giữa ông V và bà D tồn tại quan hệ vợ chồng, ngôi nhà xây 03 tầng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân.

Từ những phân tích nhận định trên, có căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thùy D1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị D.

[3] Về lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Ngô Thùy D1 phải nộp lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự phù hợp với quan điểm của Hội đồng phúc thẩm nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thùy D1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị D.

Giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự số 34/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Ngô Thùy D1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận bà D1 đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0003421 ngày 13/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CB;
- TAND TP CB;
- Chi cục THADS TPCB;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Ngôn Ngọc Viên